

Số: 13 /2010/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 01 tháng 4 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định tiếp công dân và giải quyết
kiếu nại, tố cáo thuộc Thành phố Hà Nội.**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Khiếu nại, tố cáo năm 1998 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2004 và năm 2005);

Căn cứ Nghị định số 136/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khiếu nại, tố cáo; Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai;

Xét đề nghị của Chánh Thanh tra thành phố,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc Thành phố Hà Nội”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 19/2008/QĐ-UBND ngày 29/9/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Chánh Thanh tra thành phố, Giám đốc các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Đ/c Bí thư Thành ủy;
- TT. Thành ủy, HĐNDTP;
- VPCP, TTCP, BTP, BTNMT;
- Chủ tịch UBNDTP;
- Các Phó Chủ tịch UBNDTP;
- Văn phòng Thành ủy;
- Văn phòng ĐDBQH-HĐNDTP;
- Website CP, Cục KTVB (BTP);
- Báo HNM, KTĐT, Đài PTTHHN;
- VPUB: CPVP, Các Phòng CV;
- Trung tâm Công báo thành phố;
- Lưu: VT, TNMT(10b), BTCĐ.

để
báo
cáo

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Hồng Khanh

QUY ĐỊNH

Tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc Thành phố Hà Nội.

(Ban hành kèm theo Quyết định số **13** /2010/QĐ-UBND
ngày **01** tháng **4** năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố).

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh

1. Bản quy định này quy định việc tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo áp dụng cho các cơ quan thuộc Thành phố Hà Nội trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính, quyết định kỷ luật cán bộ, công chức và việc tố cáo của công dân, trừ các khiếu nại liên quan đến việc thực hiện hợp đồng lao động.

2. Việc khiếu nại, tố cáo và việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thuộc Thành phố Hà Nội ngoài việc phải thực hiện quy định này còn phải tuân thủ theo quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo, Luật Phòng, chống tham nhũng, Nghị định số 136/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ (quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo và các Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo); Nghị định số 120/2006/NĐ-CP ngày 20/10/2006 của Chính phủ (quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng), Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ (quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai).

3. Các đơn vị quận, huyện, thị xã gọi chung là cấp huyện; Các đơn vị sở, ngành thuộc Thành phố gọi chung là cấp sở; Các đơn vị xã, phường, thị trấn gọi chung là cấp xã.

Điều 2. Thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo

1. Công dân, cơ quan, tổ chức có quyền khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính của cơ quan hành chính Nhà nước, của người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính Nhà nước thuộc Thành phố Hà Nội,

khi có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Cán bộ, công chức thuộc Thành phố Hà Nội có quyền khiếu nại quyết định kỷ luật của người có thẩm quyền đối với mình khi có căn cứ cho rằng quyết định đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

2. Công dân có quyền tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về hành vi trái pháp luật của bất cứ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức.

Điều 3. Trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước thuộc Thành phố Hà Nội trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo

Các cơ quan Nhà nước thuộc Thành phố Hà Nội trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình phải có trách nhiệm:

1. Tổ chức tiếp công dân đến trình bày nội dung cần khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh liên quan đến khiếu nại, tố cáo.

2. Xử lý các đơn khiếu nại, tố cáo theo quy định tại Điều 10 quy định này.

3. Thu lý hồ sơ để xem xét, giải quyết những vụ việc khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền.

4. Đôn đốc, tổ chức thực hiện những Quyết định giải quyết khiếu nại, xử lý tố cáo đã có hiệu lực pháp luật thuộc trách nhiệm của mình.

Chương II

TỔ CHỨC TIẾP CÔNG DÂN

Điều 4. Việc tiếp công dân của các cơ quan Nhà nước thuộc Thành phố Hà Nội

1. Việc tiếp công dân của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và Đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố Hà Nội được bố trí tại một số khu vực, địa điểm phù hợp, thuận tiện cho việc đi lại của công dân.

a. Ban Tiếp công dân thành phố có nhiệm vụ phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Thành ủy, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố, Thanh tra thành phố, các đoàn thể và Ủy ban nhân dân các huyện, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Thành phố trong công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo; giúp Ủy ban nhân dân thành phố trong công tác tiếp công dân, tiếp nhận, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố.

b. Việc tiếp công dân của Ủy ban nhân dân thành phố do Ban tiếp công dân thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố quản lý. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Ban Tiếp công dân thành phố thực hiện theo Quyết định số 4825/QĐ-UBND ngày 17/9/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập tổ tiếp công dân gồm một số cán bộ chuyên trách và không chuyên trách, cử Phó Văn phòng Ủy ban nhân dân phụ trách công tác tiếp công dân (là tổ trưởng tổ tiếp công dân), giúp Ủy ban nhân dân huyện tổ chức tiếp công dân và xử lý đơn khiếu nại, tố cáo.

3. Các cơ quan phải bố trí cán bộ có phẩm chất tốt, có năng lực chuyên môn, nắm vững chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, có tinh thần trách nhiệm cao, có khả năng giải thích, thuyết phục làm công tác tiếp công dân. Đồng thời tạo điều kiện và có chính sách để động viên đội ngũ cán bộ tiếp công dân.

Điều 5. Về trụ sở tiếp công dân

1. Việc tiếp công dân đến khiếu nại, tố cáo, đưa đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh liên quan đến khiếu nại, tố cáo được tiến hành tại nơi tiếp công dân (gọi chung là Trụ sở tiếp công dân).

2. Ủy ban nhân dân các cấp, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân thành phố phải bố trí địa điểm để thực hiện việc tiếp công dân đến khiếu nại, tố cáo.

3. Trụ sở tiếp công dân được bố trí ở địa điểm thuận tiện, kang trang lịch sự, được trang bị cơ sở vật chất cần thiết, có niêm yết lịch tiếp công dân và công bố tên, chức danh người tiếp công dân, có nội quy và ghi rõ quyền, nghĩa vụ của người đến khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị liên quan đến khiếu nại, tố cáo và trách nhiệm của cán bộ tiếp công dân.

4. Lực lượng công an cấp huyện, xã có trách nhiệm bảo vệ an toàn trụ sở tiếp công dân của các cơ quan trên địa bàn mình quản lý. Trong trường hợp cần thiết có thể áp dụng các biện pháp theo thẩm quyền để xử lý những người lợi dụng việc khiếu nại, tố cáo có hành vi vi phạm pháp luật tại trụ sở tiếp công dân.

Điều 6. Lịch tiếp công dân

Thủ trưởng cơ quan Nhà nước các cấp và các cơ quan chuyên môn thuộc Thành phố Hà Nội có trách nhiệm định kỳ tiếp công dân để xem xét, xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị liên quan đến khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền theo quy định cụ thể sau:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã mỗi tuần ít nhất một ngày;

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện mỗi tháng ít nhất hai ngày;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố mỗi tháng ít nhất một ngày;
- Thủ trưởng các cơ quan Nhà nước khác, mỗi tháng ít nhất một ngày;
- Ban Tiếp công dân của Thành phố, tổ tiếp công dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, các sở, ban, ngành cử cán bộ tiếp công dân hàng ngày (trừ ngày nghỉ và ngày lễ).

Điều 7. Trách nhiệm của cán bộ thực hiện việc tiếp công dân

1. Khi thực hiện việc tiếp công dân, cán bộ tiếp công dân phải:
 - a) Trang phục chỉnh tề, có biển hiệu ghi rõ họ tên, chức danh, phải có thái độ đúng mực; ghi chép đầy đủ những nội dung công dân trình bày vào sổ tiếp dân;
 - b) Giải thích, hướng dẫn người đến khiếu nại, tố cáo trình bày đầy đủ, chính xác, rõ ràng những nội dung khiếu nại, tố cáo; nếu là vụ việc thuộc thẩm quyền thì tiếp nhận đơn và tài liệu liên quan mà người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh liên quan đến khiếu nại, tố cáo cung cấp. Vào sổ nhận đơn, ghi giấy biên nhận cho công dân; nếu vụ việc không thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan mình thì hướng dẫn công dân đến cơ quan có thẩm quyền (trừ đơn tố cáo).

2. Cán bộ tiếp công dân có quyền từ chối không tiếp những trường hợp cố tình gây rối an ninh trật tự nơi tiếp công dân hoặc có những hành vi vi phạm nội quy tiếp công dân.

Điều 8. Thực hiện quyền và trách nhiệm của công dân, đại diện cơ quan, tổ chức đến trụ sở tiếp công dân

1. Được hướng dẫn và giải thích về những nội dung mình đã trình bày.
2. Được quyền khiếu nại, tố cáo với Thủ trưởng trực tiếp của cán bộ tiếp công dân nếu họ có những việc làm sai trái, cản trở, sách nhiễu trong khi làm nhiệm vụ; đối với trường hợp tố cáo, công dân được quyền yêu cầu giữ bí mật họ tên, địa chỉ của mình.
3. Cá nhân, đại diện cơ quan, tổ chức khiếu nại khi đến trụ sở tiếp công dân phải xuất trình giấy tờ tùy thân; nếu là người được ủy quyền khiếu nại thì phải xuất trình giấy ủy quyền hợp pháp bằng văn bản có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người ủy quyền cư trú hoặc cơ quan nơi công tác.
4. Chấp hành nghiêm chỉnh nội quy tiếp công dân và sự hướng dẫn của cán bộ tiếp công dân; chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã trình bày. Trường hợp nhiều người đến khiếu nại, tố cáo cùng một nội dung thì cử một số người đại diện để trình bày.

Điều 9. Tiếp nhận đơn khiếu nại, tố cáo

1. Cán bộ tiếp công dân chỉ được nhận trực tiếp những đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị mình; đơn tố cáo; những đơn khiếu nại vượt cấp nhưng có căn cứ chứng minh rằng cấp dưới để quá thời hạn theo quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo mà chưa giải quyết.

2. Những đơn khiếu nại, tố cáo từ các nguồn chuyển đến phải được tập trung vào một đầu mối, giao cho bộ phận tiếp công dân của cơ quan hoặc Văn phòng (nếu không thành lập bộ phận tiếp công dân) để vào sổ theo dõi, phân loại và xử lý theo quy định.

3. Văn phòng Ban Chỉ đạo Phòng, chống tham nhũng Thành phố, cơ quan Công an, cơ quan Thanh tra thành phố, Thanh tra huyện, Thanh tra Sở có trách nhiệm thiết lập, công khai số điện thoại và địa chỉ tiếp nhận tố cáo về hành vi tham nhũng.

Điều 10. Xử lý đơn khiếu nại của công dân, cơ quan, tổ chức, đơn tố cáo của công dân

1. Đối với đơn khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết và đủ các điều kiện quy định, cán bộ tiếp công dân phải lập phiếu xử lý trình Thủ trưởng cơ quan, đơn vị xem xét, quyết định việc thụ lý hồ sơ.

2. Đối với đơn khiếu nại không thuộc thẩm quyền giải quyết hoặc không đủ điều kiện được giải quyết thì cán bộ tiếp công dân gửi trả lại và hướng dẫn người khiếu nại gửi đơn đúng cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

3. Trường hợp đơn vừa có nội dung khiếu nại, vừa có nội dung tố cáo thì cán bộ tiếp công dân xử lý nội dung khiếu nại theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này và xử lý nội dung tố cáo theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 5 điều này.

4. Khi nhận được đơn khiếu nại vượt cấp, nếu có đủ căn cứ cho rằng thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp dưới nhưng quá thời hạn quy định mà nội dung khiếu nại chưa được giải quyết thì cán bộ tiếp công dân phải lập phiếu xử lý, trình Thủ trưởng cơ quan ra văn bản yêu cầu Thủ trưởng đơn vị cấp dưới giải quyết, đồng thời có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc giải quyết của cấp dưới và báo cáo Thủ trưởng cơ quan mình để xử lý nếu cấp dưới thiếu trách nhiệm hoặc cố tình trì hoãn việc giải quyết khiếu nại đó.

5. Trường hợp đơn tố cáo không thuộc thẩm quyền giải quyết, cán bộ tiếp công dân phải báo cáo thủ trưởng cơ quan ra văn bản chuyển đơn cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định và báo cho người có đơn biết.

Chương III

KHIẾU NẠI, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI QUYẾT ĐỊNH HÀNH CHÍNH, HÀNH VI HÀNH CHÍNH

Mục I.

KHIẾU NẠI VÀ VIỆC XỬ LÝ ĐƠN KHIẾU NẠI

Điều 11. Thực hiện quyền và nghĩa vụ của người khiếu nại

1. Người khiếu nại khi đến khiếu nại tại các cơ quan hành chính Nhà nước các cấp thuộc Thành phố Hà Nội phải thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của người khiếu nại đã được pháp luật quy định.

2. Người khiếu nại phải là người có quyền, lợi ích hợp pháp chịu tác động trực tiếp bởi quyết định hành chính, hành vi hành chính mà mình khiếu nại, đủ các điều kiện đã được quy định tại Điều 2 Nghị định số 136/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ.

3. Người khiếu nại thực hiện quyền khiếu nại thông qua các hình thức sau đây:

a) Tự mình thực hiện quyền khiếu nại;

b) Trường hợp khiếu nại thông qua người đại diện, phải có giấy tờ hoặc xác nhận của UBND xã nơi người khiếu nại cư trú để chứng minh về việc đại diện hợp pháp của người đại diện;

c) Trường hợp uỷ quyền khiếu nại, việc uỷ quyền phải bằng văn bản và phải có xác nhận của UBND xã nơi người uỷ quyền cư trú.

Điều 12. Xử lý đơn khiếu nại của các cơ quan

1. Trình tự xử lý đơn khiếu nại hợp pháp được thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 136/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ.

2. Đơn khiếu nại do Đại biểu Quốc hội, Đại biểu Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận hoặc cơ quan báo chí chuyên đến, nếu thuộc thẩm quyền giải quyết của mình và không thuộc các trường hợp quy định tại Điều 32 Luật Khiếu nại, tố cáo, có đủ các điều kiện quy định tại Điều 2 của Nghị định số 136/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ thì thụ lý để giải quyết và thông báo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đã chuyển đơn biết.

3. Trong trường hợp đơn chuyển đến không thuộc thẩm quyền, không đủ điều kiện để thụ lý giải quyết hoặc thuộc các trường hợp quy định tại Điều 32 Luật Khiếu nại, tố cáo thì gửi trả lại người có đơn, hướng dẫn người

có đơn thực hiện đúng Luật Khiếu nại, tố cáo và thông báo bằng văn bản đến các cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân đã chuyển đơn biết.

Điều 13. Báo cáo vụ khiếu nại thuộc thẩm quyền

Thanh tra thành phố, Thanh tra huyện, Thanh tra Sở khi nhận được đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền của Thủ trưởng cơ quan hành chính Nhà nước cùng cấp thì có trách nhiệm báo cáo để Thủ trưởng cơ quan hành chính cùng cấp quyết định việc giao thụ lý giải quyết khiếu nại đó.

Mục II.

THẨM QUYỀN, TRÁCH NHIỆM GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI CỦA THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC THUỘC THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Điều 14. Thẩm quyền giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Thủ trưởng cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân huyện

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Thủ trưởng cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân huyện có trách nhiệm giải quyết khiếu nại thuộc thẩm quyền quy định tại Điều 19 Luật Khiếu nại, tố cáo.

2. Khi nhận được khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết của mình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Thủ trưởng cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân huyện giao cho cán bộ thụ lý, hoặc thành lập tổ công tác (nếu thấy cần thiết) tiến hành thẩm tra xác minh, tổ chức đối thoại trực tiếp với người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền và lợi ích có liên quan để làm rõ các nội dung khiếu nại, yêu cầu của người khiếu nại và hướng giải quyết khiếu nại. Việc gặp gỡ đối thoại phải tiến hành công khai, dân chủ, trường hợp cần thiết thì mời đại diện các tổ chức chính trị - xã hội cùng tham dự.

Điều 15. Ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Thủ trưởng cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân huyện

1. Căn cứ vào quy định của pháp luật, kết quả gặp gỡ, đối thoại, kết quả thẩm tra xác minh, kết luận, kiến nghị việc giải quyết khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Thủ trưởng cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại theo thời hạn quy định tại Luật Khiếu nại, tố cáo.

2. Quyết định giải quyết khiếu nại phải được gửi đến người khiếu nại, người bị khiếu nại, tổ chức, cá nhân có quyền và lợi ích liên quan và Ủy ban nhân dân huyện, Chánh Thanh tra huyện để tổng hợp theo dõi.

Điều 16. Tổ chức thực hiện Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Thủ trưởng cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân huyện

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và Thủ trưởng cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân huyện trong phạm vi trách nhiệm của mình tổ chức thực hiện Quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 19, Điều 20 Nghị định 136/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ.

Điều 17. Thẩm quyền giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện có trách nhiệm giải quyết khiếu nại thuộc thẩm quyền quy định tại Điều 20 Luật Khiếu nại, tố cáo.

2. Đối với khiếu nại quyết định hành chính và hành vi hành chính của mình thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện giao Chánh Thanh tra huyện xem xét, kết luận và kiến nghị việc giải quyết. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện phải gặp gỡ đối thoại với người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền, lợi ích liên quan theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 136/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ.

3. Đối với tranh chấp đất đai đã được hòa giải tại Ủy ban nhân dân cấp xã mà một bên hoặc các bên đương sự không nhất trí, nếu không thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 136 Luật Đất đai thì Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường xem xét, kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ra Quyết định giải quyết về tranh chấp đất đai.

4. Đối với khiếu nại về cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện cấp thì giao cho Phòng Tài nguyên và Môi trường kiểm tra. Trường hợp giấy chứng nhận đã cấp là đúng pháp luật, Phòng Tài nguyên và Môi trường ra văn bản trả lời.

Trường hợp qua kiểm tra phát hiện thấy giấy chứng nhận đã cấp chưa đúng quy định của pháp luật thì Phòng Tài nguyên và Môi trường báo cáo đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện giao Thanh tra huyện thẩm tra, kết luận theo quy định tại Điều 21 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ.

5. Đối với khiếu nại mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân huyện đã giải quyết lần đầu nhưng còn khiếu nại thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện giao cho Chánh Thanh tra tiến hành xem xét, kết luận và kiến nghị giải quyết. Riêng khiếu nại về lĩnh vực xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 117 và Điều 118 Luật Xây dựng.

Trường hợp vụ việc phức tạp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện có trách nhiệm gặp gỡ, đối thoại trực tiếp với người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền, lợi ích liên quan.

Điều 18. Ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện

1. Căn cứ vào quy định của pháp luật, kết quả gặp gỡ, đối thoại, kết quả thẩm tra xác minh, kết luận, kiến nghị việc giải quyết khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại theo thời hạn quy định tại Luật Khiếu nại, tố cáo.

2. Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện phải gửi tới người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền, lợi ích liên quan để thực hiện, gửi Ủy ban nhân dân thành phố, Chánh Thanh tra thành phố để báo cáo, tổng hợp theo dõi.

Điều 19. Tổ chức thực hiện Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định giải quyết khiếu nại của mình đã có hiệu lực pháp luật; tổ chức kiểm tra đôn đốc cơ quan cấp dưới trong việc tổ chức thực hiện Quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật theo luật định.

Điều 20. Thẩm quyền giải quyết khiếu nại của các cơ quan, đơn vị thuộc Sở

1. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Sở có trách nhiệm giải quyết khiếu nại thuộc thẩm quyền quy định tại Điều 21 Luật Khiếu nại, tố cáo.

2. Trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Sở được thực hiện theo quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo và quy định tại Điều 14 bản quy định này. Quyết định giải quyết khiếu nại quy định tại Điều này là Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu.

Điều 21. Thẩm quyền giải quyết khiếu nại của Giám đốc Sở

1. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Thành phố có trách nhiệm giải quyết khiếu nại thuộc thẩm quyền quy định tại Điều 22 Luật Khiếu nại, tố cáo.

2. Đối với khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình, của cán bộ, công chức do mình quản lý trực tiếp thì lãnh đạo Sở, giao cho Chánh Thanh tra Sở xem xét, kết luận và kiến nghị việc giải quyết. Giám đốc Sở phải gặp gỡ đối thoại trực tiếp với người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền, lợi ích liên quan.

3. Đối với khiếu nại mà Thủ trưởng cơ quan thuộc Sở đã giải quyết lần đầu nhưng còn khiếu nại thì Giám đốc Sở giao cho Chánh Thanh tra Sở tiến hành xác minh, kết luận và kiến nghị việc giải quyết. Khi thấy cần thiết Giám đốc Sở gặp gỡ, đối thoại trực tiếp với người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền, lợi ích liên quan.

Điều 22. Ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại của Giám đốc Sở

1. Căn cứ vào quy định của pháp luật, kết quả gặp gỡ, đối thoại, kết quả thẩm tra xác minh, kết luận kiến nghị việc giải quyết khiếu nại, Giám đốc Sở ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại theo thời hạn quy định tại Luật Khiếu nại, tố cáo.

2. Quyết định giải quyết khiếu nại của Giám đốc Sở được gửi cho người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền và lợi ích liên quan, đồng thời gửi Ủy ban nhân dân thành phố và Chánh Thanh tra thành phố để báo cáo, tổng hợp, theo dõi.

3. Giám đốc Sở trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thi hành, tổ chức thi hành Quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật; kiểm tra đôn đốc cơ quan, đơn vị cấp dưới thi hành Quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật theo luật định.

Điều 23. Thẩm quyền giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố giải quyết khiếu nại thuộc thẩm quyền quy định tại Điều 23 Luật Khiếu nại, tố cáo.

2. Đối với khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố giao cho Chánh Thanh tra thành phố xem xét kết luận và kiến nghị việc giải quyết. Trước khi ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức gặp gỡ, đối thoại trực tiếp với người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền, lợi ích liên quan.

3. Đối với khiếu nại mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, Thủ trưởng các cơ quan của Thành phố đã giải quyết lần đầu nhưng còn khiếu nại thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố giao cho Chánh Thanh tra thành phố tiến hành xác minh, kết luận và kiến nghị việc giải quyết, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

4. Đối với khiếu nại Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, Thủ trưởng các Sở giải quyết khiếu nại lần đầu về kỷ luật cán bộ, công chức, trình tự thủ tục giải quyết khiếu nại quyết định kỷ luật lần thứ hai thực hiện theo Thông tư hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

5. Đối với khiếu nại liên quan đến các lĩnh vực cụ thể nào thì các ngành chức năng của Thành phố tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố về lĩnh vực đó có trách nhiệm xem xét, kiểm tra, trả lời và báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

Riêng nội dung khiếu nại liên quan đến trật tự xây dựng và cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, quyền sử dụng đất ở (sau đây gọi tắt là Giấy chứng nhận), việc giải quyết cụ thể như sau:

5.1- Khiếu nại liên quan đến quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện giải quyết lần đầu về lĩnh vực trật tự xây dựng, Sở Xây dựng có trách nhiệm xem xét, trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

5.2- Khiếu nại về cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở do Ủy ban nhân dân thành phố cấp thì Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, báo cáo (đối với trường hợp cấp Giấy chứng nhận theo Nghị định 60/CP ngày 5/7/1994 của Chính phủ), Sở Xây dựng có trách nhiệm kiểm tra, báo cáo (đối với trường hợp cấp Giấy chứng nhận theo Nghị định 61/CP ngày 5/7/1994 của Chính phủ).

Trường hợp qua kiểm tra thấy giấy chứng nhận đã cấp là đúng pháp luật thì cơ quan kiểm tra (Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Sở Xây dựng) ra văn bản trả lời người có đơn, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

Trường hợp qua kiểm tra phát hiện thấy giấy chứng nhận đã cấp chưa đúng quy định của pháp luật hoặc có sai sót về chính tả, tên địa danh, tên chủ sử dụng, mốc giới, hình thể thửa đất... thì cơ quan kiểm tra đề xuất giải pháp khắc phục nhằm đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của người có đơn, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

Sau khi có văn bản trả lời của cơ quan kiểm tra (đối với trường hợp qua kiểm tra thấy giấy chứng nhận đã cấp là đúng pháp luật) và sau khi có văn bản chỉ đạo giải quyết, khắc phục (đối với trường hợp qua kiểm tra phát hiện thấy giấy chứng nhận đã cấp chưa đúng quy định của pháp luật hoặc có sai sót nêu trên) mà người có đơn tiếp tục có đơn khiếu nại, Ủy ban nhân dân thành phố giao Thanh tra thành phố xem xét, kết luận, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố giải quyết”.

6. Đối với những vụ việc phức tạp, trước khi ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố tham khảo ý kiến của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ về những nội dung có liên quan đến chức năng quản lý Nhà nước của Bộ, ngành đó.

Điều 24. Ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố

1. Căn cứ vào quy định của pháp luật, kết quả gặp gỡ, đối thoại, kết quả thẩm tra xác minh, kết luận, kiến nghị việc giải quyết khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại theo thời hạn quy định tại các Điều 36, 43 của Luật Khiếu nại, tố cáo.

2. Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội được gửi tới người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền, lợi ích liên quan, đồng thời gửi Thủ tướng Chính phủ, Tổng Thanh tra Chính phủ và Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ quản lý Nhà nước về lĩnh vực đó (để báo cáo).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố trong phạm vi trách nhiệm, quyền hạn của mình tổ chức thi hành Quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật, kiểm tra đôn đốc cơ quan cấp dưới trong việc thi hành Quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật.

Điều 25. Tạm đình chỉ thi hành quyết định hành chính và công bố công khai Quyết định giải quyết khiếu nại

1. Việc tạm đình chỉ thi hành quyết định hành chính bị khiếu nại khi xét thấy việc thi hành sẽ gây hậu quả khó khắc phục thì người giải quyết khiếu nại lần đầu thực hiện theo quy định tại Điều 35 Luật Khiếu nại, tố cáo.

2. Việc tạm đình chỉ thi hành quyết định hành chính bị khiếu nại và Quyết định giải quyết khiếu nại trước đó khi xét thấy việc thi hành các quyết định đó sẽ gây hậu quả khó khắc phục thì người giải quyết khiếu nại thực hiện theo quy định của Điều 42 Luật Khiếu nại, tố cáo.

3. Chậm nhất trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày ký, Quyết định giải quyết khiếu nại phải được công bố công khai và niêm yết tại Trụ sở tiếp công dân của cơ quan giải quyết khiếu nại trong thời hạn 10 ngày.

Điều 26. Nội dung Quyết định giải quyết khiếu nại

1. Người giải quyết khiếu nại phải ra Quyết định giải quyết khiếu nại bằng văn bản, không dùng các hình thức văn bản khác để thay cho Quyết định giải quyết khiếu nại.

2. Nếu là Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu thì phải có các nội dung theo quy định của Điều 38 Luật Khiếu nại, tố cáo; Nếu là Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai thì phải có các nội dung theo quy định của Điều 45 Luật Khiếu nại, tố cáo.

Mục III.

THỜI HIỆU, THỜI HẠN GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VÀ VIỆC KHỞI KIỆN VỤ ÁN HÀNH CHÍNH

Điều 27. Thời hiệu khiếu nại, thời hạn giải quyết khiếu nại

1. Thời hiệu khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính là 90 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hành chính hoặc biết có hành vi hành chính.

Trong trường hợp người khiếu nại không thực hiện được việc khiếu nại theo đúng thời hạn vì ốm đau, thiên tai, đi công tác, học tập ở nơi xa hoặc vì những trở ngại khách quan khác, thì thời gian có trở ngại đó không tính vào thời hiệu khiếu nại. Người khiếu nại phải xuất trình giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ sở y tế hoặc cơ quan, tổ chức nơi người khiếu nại làm việc về trở ngại khách quan với cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại.

2. Thời hạn ra quyết định thụ lý và ra Quyết định giải quyết khiếu nại:

a) Đối với giải quyết khiếu nại lần đầu: trong thời hạn 10 ngày, kể từ khi nhận được đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền, người được giao xem xét khiếu nại phải trình người có thẩm quyền ra quyết định thụ lý để giải quyết.

Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 30 ngày, kể từ ngày ra quyết định thụ lý. Đối với vụ việc phức tạp không kéo dài quá 45 ngày.

b) Đối với giải quyết khiếu nại lần hai: trong thời hạn 10 ngày kể từ khi nhận được đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết của mình, người được giao xem xét khiếu nại phải trình người có thẩm quyền ra quyết định thụ lý để giải quyết.

Thời hạn giải quyết lần hai không quá 45 ngày, kể từ ngày ra quyết định thụ lý để giải quyết. Đối với vụ việc phức tạp không kéo dài quá 60 ngày.

Điều 28. Khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hết hạn giải quyết theo quy định tại Điều 36 của Luật Khiếu nại, tố cáo mà khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính không được giải quyết hoặc kể từ ngày nhận được Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu, Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai mà người khiếu nại không đồng ý thì có quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của pháp luật.

Chương IV

KHIẾU NẠI, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI QUYẾT ĐỊNH KỶ LUẬT CÁN BỘ, CÔNG CHỨC

Điều 29. Khiếu nại quyết định kỷ luật cán bộ công chức

Cán bộ, công chức các cơ quan Nhà nước thuộc Thành phố Hà Nội khi có khiếu nại quyết định kỷ luật hành chính phải làm đơn ghi rõ ngày, tháng, năm; họ tên, địa chỉ của người khiếu nại, nội dung, lý do khiếu nại, yêu cầu của mình và ký tên, gửi đến người đã ra quyết định kỷ luật.

Thời hiệu khiếu nại là 15 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định kỷ luật.

Điều 30. Giải quyết khiếu nại lần đầu

1. Người đã ra quyết định kỷ luật hành chính khi nhận được đơn khiếu nại, trong thời hạn 10 ngày phải thụ lý để giải quyết và thông báo cho người khiếu nại biết.

2. Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý, đối với vụ việc phức tạp không quá 45 ngày và phải ra Quyết định giải quyết khiếu nại với các nội dung theo Điều 53 Luật Khiếu nại, tố cáo.

Điều 31. Giải quyết khiếu nại lần tiếp theo

1. Khi nhận được Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu, trong thời hạn 10 ngày mà người khiếu nại không đồng ý thì có quyền khiếu nại đến người có thẩm quyền giải quyết tiếp theo.

2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thụ lý, người có thẩm quyền giải quyết tiếp theo phải xem xét, ra Quyết định giải quyết khiếu nại bằng văn bản, đối với vụ việc phức tạp không quá 45 ngày.

Điều 32. Khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án

Công chức giữ chức vụ từ Giám đốc Sở hoặc tương đương trở xuống bị kỷ luật buộc thôi việc, sau khi khiếu nại mà người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu vẫn giữ nguyên hình thức kỷ luật đó thì trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định giải quyết khiếu nại có quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của pháp luật.

Chương V

TỐ CÁO, GIẢI QUYẾT TỐ CÁO

Mục I.

THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT TỐ CÁO

Điều 33. Thẩm quyền giải quyết tố cáo

1. Các cơ quan quản lý hành chính Nhà nước và Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm giải quyết tố cáo thuộc thẩm quyền theo quy định của Điều 59 và Điều 60 Luật Khiếu nại, tố cáo.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Trưởng các phòng thuộc Ủy ban nhân dân huyện; Thủ trưởng các cơ quan thuộc Sở có thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ, công chức và người lao động do mình quản lý trực tiếp.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện có thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Trưởng, Phó phòng thuộc Ủy ban nhân dân huyện và những người khác do mình bổ nhiệm và quản lý trực tiếp.

4. Giám đốc Sở có thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của Trưởng, Phó phòng thuộc Sở, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng các cơ quan thuộc Sở và những người khác do mình bổ nhiệm và quản lý trực tiếp.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố có thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện; Giám đốc, Phó Giám đốc Sở, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng các cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố và những người khác do mình bổ nhiệm, quản lý trực tiếp.

Điều 34. Trách nhiệm của Chánh Thanh tra thành phố, Chánh Thanh tra huyện, Chánh Thanh tra Sở về giải quyết tố cáo

1. Chánh Thanh tra huyện có thẩm quyền:

a) Xác minh, kết luận nội dung tố cáo, kiến nghị biện pháp xử lý tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện khi được giao;

b) Xem xét, kết luận nội dung tố cáo mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đã giải quyết nhưng có vi phạm pháp luật. Trong trường hợp kết luận việc giải quyết có vi phạm pháp luật thì kiến nghị người đã giải quyết xem xét, giải quyết lại.

2. Chánh Thanh tra Sở có trách nhiệm:

a) Xác minh, kết luận nội dung tố cáo, kiến nghị biện pháp xử lý tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của giám đốc Sở khi được giao;

b) Xem xét, kết luận nội dung tố cáo mà Thủ trưởng cơ quan thuộc Sở đã giải quyết nhưng có vi phạm pháp luật. Trong trường hợp kết luận việc giải quyết có vi phạm pháp luật thì kiến nghị người đã giải quyết xem xét giải quyết lại.

3. Chánh Thanh tra thành phố có thẩm quyền:

a) Xác minh, kết luận nội dung tố cáo, kiến nghị biện pháp xử lý tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố khi được giao;

b) Xem xét, kết luận nội dung tố cáo mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, giám đốc Sở đã giải quyết nhưng có vi phạm pháp luật. Trong trường hợp kết luận việc giải quyết có vi phạm pháp luật thì kiến nghị người đã giải quyết xem xét, giải quyết lại.

4. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được kiến nghị của cơ quan Thanh tra theo quy định tại Điểm b, Mục 1, 2, 3 của Điều này, Thủ trưởng cơ quan Nhà nước đã giải quyết tố cáo có trách nhiệm thực hiện và thông báo kết quả cho cơ quan Thanh tra đã có kiến nghị đó biết.

Mục II.

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC GIẢI QUYẾT TỐ CÁO

Điều 35. Quyền tố cáo của công dân

Người tố cáo cần gửi đơn tố cáo đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Đơn phải ghi rõ họ, tên, địa chỉ người tố cáo, người bị tố cáo và nội dung tố cáo. Trong trường hợp người tố cáo trực tiếp thì người có trách nhiệm tiếp nhận phải ghi lại nội dung tố cáo, họ, tên, địa chỉ người tố cáo, biên bản ghi phải có chữ ký xác nhận của người tố cáo, trường hợp cần thiết thì ghi âm lời tố cáo.

Điều 36. Xử lý đơn tố cáo của công dân

Sau khi nhận được đơn tố cáo, các cơ quan quản lý hành chính Nhà nước và Thủ trưởng cơ quan quản lý hành chính Nhà nước thuộc Thành phố tiến hành xử lý như sau:

1. Nếu tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của mình thì trong thời hạn chậm nhất là 10 ngày phải ra quyết định thụ lý để giải quyết. Quyết định thụ lý phải được thông báo cho người tố cáo biết.

2. Nếu tố cáo không thuộc thẩm quyền thì trong thời hạn chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày nhận, phải chuyển đơn tố cáo hoặc bản ghi lời tố cáo cùng các tài liệu do người tố cáo cung cấp (nếu có) cho người có thẩm quyền giải quyết.

3. Nếu đơn tố cáo là đơn không ghi rõ họ, tên, địa chỉ, đơn nặc danh, mạo danh, không có chữ ký trực tiếp mà sao chụp chữ ký hoặc những tố cáo đã được cấp có thẩm quyền giải quyết nay tố cáo lại nhưng không có bằng chứng mới thì không xem xét, giải quyết.

4. Trong trường hợp hành vi bị tố cáo gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại nghiêm trọng đến lợi ích của nhà nước, của tập thể, tính mạng, tài sản của công dân thì phải báo ngay cho cơ quan chức năng để có biện pháp ngăn chặn.

5. Đối với tố cáo hành vi tham nhũng qua điện thoại, người tố cáo phải nêu rõ họ tên, nội dung tố cáo và cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung tố cáo mà mình có.

6. Trong quá trình tiếp nhận, giải quyết tố cáo, nếu thấy có dấu hiệu phạm tội thì cơ quan, tổ chức tiếp nhận, giải quyết tố cáo phải chuyển tin báo, chuyển hồ sơ cho Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát nhân dân xử lý theo quy định của Điều 71 Luật Khiếu nại, tố cáo.

Điều 37. Thời hạn và trình tự giải quyết đơn tố cáo

1. Thời hạn giải quyết một vụ tố cáo không quá 60 ngày, kể từ ngày ra quyết định thụ lý; đối với vụ việc phức tạp, thời hạn không quá 90 ngày.

2. Người có thẩm quyền giải quyết tố cáo hoặc Thủ trưởng cơ quan được giao nhiệm vụ xác minh phải ra quyết định về việc tiến hành xác minh nội dung tố cáo. Trong quyết định phải ghi rõ người được giao nhiệm vụ, nội dung cần xác minh, thời gian tiến hành xác minh, quyền hạn, trách nhiệm của người được giao.

3. Trong quá trình giải quyết tố cáo, người được giao nhiệm vụ xác minh phải thu thập các tài liệu, chứng cứ từ người tố cáo, tạo điều kiện để người bị tố cáo giải trình, đưa ra các bằng chứng để làm rõ các nội dung liên quan tố cáo. Việc thu thập chứng cứ từ người tố cáo, người bị tố cáo, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để làm rõ nội dung tố cáo đều phải lập thành văn bản có xác nhận của người cung cấp tài liệu, chứng cứ và lưu vào hồ sơ giải quyết.

4. Sau khi kết thúc việc xác minh, người được giao nhiệm vụ xác minh phải có văn bản kết luận về nội dung tố cáo và phải có những chứng cứ để chứng minh kết luận của mình.

5. Việc giải quyết tố cáo phải được lập thành hồ sơ theo quy định.

Điều 38. Bảo vệ người tố cáo

Trong quá trình giải quyết tố cáo, người có nhiệm vụ giải quyết tố cáo phải giữ bí mật cho người tố cáo. Khi nhận được thông tin người tố cáo bị đe dọa, trù dập, trả thù, Thủ trưởng cơ quan giải quyết tố cáo phải có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan chức năng có biện pháp bảo vệ người tố cáo, làm rõ hành vi đe dọa, trù dập, trả thù người tố cáo để xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 39. Xử lý sau kết luận giải quyết tố cáo

1. Căn cứ vào kết quả xác minh, kết luận về nội dung tố cáo, Thủ trưởng cơ quan giải quyết tố cáo tiến hành xử lý ngay như sau:

a) Nếu người bị tố cáo không vi phạm pháp luật, nội dung tố cáo sai sự thật thì phải kết luận rõ ràng, thông báo bằng văn bản cho người bị tố cáo và cơ quan quản lý người bị tố cáo;

b) Đối với người cố tình tố cáo sai sự thật trong trường hợp cần thiết, cơ quan giải quyết tố cáo phải làm rõ hành vi cố tình tố cáo sai để các cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật;

c) Trường hợp người bị tố cáo có các hành vi vi phạm pháp luật, Thủ trưởng cơ quan giải quyết tố cáo phải kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử lý theo phân cấp quản lý cán bộ. Đồng thời áp dụng các biện pháp theo quy định của pháp luật để quyết định xử lý được chấp hành nghiêm chỉnh;

d) Trường hợp người bị tố cáo có dấu hiệu phạm tội thì chuyển hồ sơ tới cơ quan chức năng để giải quyết theo quy định của pháp luật.

2. Kết luận giải quyết tố cáo, quyết định xử lý tố cáo phải được gửi cho cơ quan Thanh tra, cơ quan cấp trên trực tiếp, đồng thời thông báo cho người tố cáo kết quả giải quyết, trừ những nội dung thuộc danh mục bí mật Nhà nước.

3. Người tố cáo có công trong việc ngăn ngừa thiệt hại cho Nhà nước, tổ chức, cá nhân thì được khen thưởng theo quy định hiện hành.

Chương VI

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

Điều 40. Quản lý Nhà nước về khiếu nại, tố cáo

Nội dung quản lý Nhà nước về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trên địa bàn Thành phố bao gồm:

1. Ban hành các văn bản pháp quy, các quyết định hành chính cụ thể thuộc thẩm quyền về công tác khiếu nại, tố cáo.

2. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật, tập huấn nghiệp vụ, hướng dẫn các đơn vị trực thuộc thi hành pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

3. Tổ chức thanh tra, kiểm tra các cơ quan trong việc thực hiện pháp luật về khiếu nại, tố cáo theo kế hoạch, định kỳ và đột xuất.

4. Thực hiện việc giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Đồng thời thi hành Quyết định giải quyết khiếu nại và Quyết định xử lý vi phạm theo đơn tố cáo có hiệu lực pháp luật.

5. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; quy định điều kiện làm việc và các chế độ, chính sách cho cán bộ làm công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

6. Tổng hợp tình hình khiếu nại, tố cáo và việc giải quyết khiếu nại, tố cáo.

7. Tổng kết kinh nghiệm, các chuyên đề về công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Điều 41. Chế độ báo cáo và công tác phối hợp trong quản lý Nhà nước về giải quyết khiếu nại, tố cáo

1. Ủy ban nhân dân các cấp thuộc Thành phố thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trong phạm vi thẩm quyền, có trách nhiệm chủ động phối hợp với lực lượng công an, Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân cùng cấp trong công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo.

2. Định kỳ trước ngày 15 hàng tháng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, Giám đốc Sở, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn trực thuộc Thành phố báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố (qua Thanh tra thành phố) về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền quản lý của mình.

Điều 42. Nhiệm vụ của Thanh tra thành phố, Thanh tra huyện, Thanh tra Sở

Thanh tra thành phố, Thanh tra huyện, Thanh tra Sở có nhiệm vụ giúp Thủ trưởng cùng cấp thực hiện quản lý Nhà nước về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, có trách nhiệm:

1. Hướng dẫn cơ quan, tổ chức, đơn vị cùng cấp trong việc tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, giải quyết khiếu nại, tố cáo, thi hành Quyết định giải quyết khiếu nại và Quyết định xử lý các vi phạm theo đơn tố cáo.

2. Kiểm tra, thanh tra trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức cấp dưới của Thủ trưởng cùng cấp trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; trong trường hợp cần thiết, đề nghị Thủ trưởng cùng cấp triệu tập Thủ trưởng cơ quan, tổ chức cấp dưới họp để đề xuất biện pháp tổ chức chỉ đạo, xử lý đối với các vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp.

3. Khi phát hiện có vi phạm pháp luật về khiếu nại, tố cáo thì xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý.

4. Kiến nghị các biện pháp nhằm chấn chỉnh công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc phạm vi quản lý của Thủ trưởng cùng cấp.

5. Tổng hợp tình hình khiếu nại, tố cáo và việc giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc trách nhiệm của Thủ trưởng cùng cấp; thực hiện chế độ báo cáo hàng tháng, quý, năm theo quy định của pháp luật.

Chương VII

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN CÓ LIÊN QUAN TRONG GIÁM SÁT VIỆC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

Điều 43. Trách nhiệm của Thủ trưởng các cơ quan Nhà nước thuộc Thành phố đối với giám sát của Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hà Nội và Đại biểu Quốc hội.

1. Thủ trưởng các cơ quan khi nhận được yêu cầu báo cáo tình hình giải quyết khiếu nại, tố cáo của Đoàn đại biểu Quốc hội Hà Nội, có trách nhiệm báo cáo đầy đủ, kịp thời theo đúng yêu cầu của Đoàn.

2. Khi Đoàn đại biểu Quốc hội Hà Nội tổ chức đoàn giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, phát hiện có vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, công dân và kiến nghị phải áp dụng biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt vi phạm thì Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền phải xem xét, thực hiện.

3. Các khiếu nại, tố cáo do Đại biểu Quốc hội chuyển đến phải được Thủ trưởng cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét, giải quyết kịp thời và trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày có Quyết định giải quyết phải thông báo bằng văn bản cho Đại biểu đã chuyển đơn đến biết kết quả giải quyết. Nếu Đại biểu Quốc hội thấy việc giải quyết chưa thỏa đáng, yêu cầu tìm hiểu thêm hoặc yêu cầu xem xét lại thì Thủ trưởng cơ quan đó phải thực hiện.

Điều 44. Trách nhiệm của Thủ trưởng các cơ quan Nhà nước thuộc Thành phố đối với giám sát của Hội đồng nhân dân và Đại biểu Hội đồng nhân dân.

1. Chánh Thanh tra thành phố, Chánh Thanh tra các huyện có trách nhiệm tổng hợp tình hình giải quyết khiếu nại, tố cáo ở địa phương, trình Ủy ban nhân dân cùng cấp để báo cáo tại kỳ họp Hội đồng nhân dân thường kỳ.

2. Thủ trưởng các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân thành phố khi nhận được yêu cầu kiểm tra công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân thì có trách nhiệm báo cáo theo đúng yêu cầu.

3. Các khiếu nại, tố cáo do Thường trực Hội đồng nhân dân, Đại biểu Hội đồng nhân dân chuyển đến phải được Thủ trưởng cơ quan xem xét, xử lý đơn theo luật định; giải quyết kịp thời vụ việc thuộc thẩm quyền và phải báo cáo kết quả giải quyết vụ việc trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày có Quyết định giải quyết.

Trường hợp vụ việc đã được giải quyết, nhưng Thường trực Hội đồng nhân dân, Đại biểu Hội đồng nhân dân không đồng ý và tiếp tục kiến nghị xem xét lại thì Thủ trưởng cơ quan, đơn vị đã giải quyết phải thực hiện và thông báo lại kết quả cho Hội đồng nhân dân hoặc Đại biểu đã chuyển đơn biết.

Điều 45. Trách nhiệm của Thủ trưởng các cấp, các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân thành phố đối với giám sát của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và Ban Thanh tra nhân dân

Thủ trưởng các cấp, các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm giải quyết các khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc chuyển đến và thông báo lại kết quả trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày có Quyết định giải quyết.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cơ sở có trách nhiệm xem xét giải quyết kiến nghị của Ban Thanh tra nhân dân và thông báo kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của mình với Ban Thanh tra nhân dân.

Chương VIII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 46. Khen thưởng

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, người tố cáo có công trong việc phát hiện tham nhũng, lãng phí, ngăn ngừa thiệt hại cho Nhà nước, tổ chức, cá nhân thì được khen thưởng theo quy định.

Điều 47. Các hành vi bị nghiêm cấm trong việc tiếp công dân

Cán bộ tiếp công dân nếu có một trong các hành vi sau đây thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự:

1. Thiếu trách nhiệm trong việc tiếp công dân.
2. Gây phiền hà, sách nhiễu hoặc cản trở người đến trình bày khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh liên quan đến khiếu nại, tố cáo.
3. Vi phạm nội quy, quy chế tiếp công dân.
4. Không kịp thời xử lý hoặc làm sai lệch các thông tin, tài liệu do người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh liên quan đến khiếu nại, tố cáo cung cấp.
5. Vi phạm các quy định khác của pháp luật về việc tiếp công dân.

Điều 48. Xử lý đối với vi phạm của người giải quyết khiếu nại, tố cáo

Người giải quyết khiếu nại, tố cáo nếu có một trong các hành vi sau đây thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại về vật chất thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật:

1. Thiếu trách nhiệm trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo.
2. Gây phiền hà, sách nhiễu, cản trở việc thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo.
3. Cố tình trì hoãn việc giải quyết khiếu nại, tố cáo.
4. Làm sai lệch hồ sơ vụ việc trong quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo.
5. Ra Quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định xử lý, giải quyết tố cáo trái pháp luật.
6. Không kịp thời áp dụng biện pháp cần thiết để chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật.
7. Đe dọa, trù dập, trả thù người khiếu nại, tố cáo; bao che cho người bị khiếu nại, tố cáo.
8. Không thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan, tổ chức và Đại biểu Quốc hội, Đại biểu Hội đồng nhân dân quy định tại các điều 15, 85, 86, 87, 88, 89, 91 và 93 của Luật Khiếu nại, tố cáo (đã được sửa đổi, bổ sung).
9. Vi phạm các quy định khác của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Điều 49. Xử lý vi phạm đối với trách nhiệm của cán bộ, công chức

1. Người có trách nhiệm chấp hành Quyết định giải quyết khiếu nại, Quyết định xử lý vi phạm theo đơn tố cáo nếu không chấp hành thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền mà không áp dụng biện pháp cần thiết để xử lý kịp thời đối với cá nhân vi phạm theo luật định thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

3. Thủ trưởng cơ quan các cấp trễ quá thời hạn quy định mà không giải quyết khiếu nại, tố cáo, để cơ quan quản lý cấp trên có văn bản đôn đốc nhiều lần mà không có lý do chính đáng thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 50. Xử lý đối với các sai phạm của công dân

Người nào có một trong các hành vi sau đây thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật:

1. Kích động, cưỡng ép, dụ dỗ, mua chuộc người khác khiếu nại, tố cáo sai sự thật.

2. Lợi dụng việc khiếu nại, tố cáo để xuyên tạc, vu khống, gây rối trật tự, gây thiệt hại cho cơ quan, tổ chức, cá nhân.

3. Cố tình tố cáo sai sự thật.

4. Đe dọa trả thù, xúc phạm người khiếu nại, tố cáo, người có trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo, cán bộ tiếp dân.

5. Vi phạm các quy định khác của pháp luật về khiếu nại, tố cáo. /

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Hồng Khanh